

CỤC KINH TẾ - QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM TƯ VẤN KINH TẾ XÂY DỰNG

BÁO CÁO THẨM TRA

**Hồ sơ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ
kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe
máy chuyên dùng; chứng nhận an toàn kỹ thuật và
bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy
chuyên dùng cải tạo**

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ: CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: TRUNG TÂM TƯ VẤN KINH TẾ XÂY DỰNG

Hà Nội, tháng 03 năm 2025

Số: 05 /2025/TTTV-TV

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2025

V/v Thẩm tra kết quả xây dựng định mức KT-KT
dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe
cơ giới, xe máy chuyên dùng; chứng nhận ATKT
và BVMT đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy
chuyên dùng cải tạo

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM TRA

Hồ sơ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định, miễn kiểm
định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; chứng nhận an toàn kỹ
thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng
cải tạo

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Căn cứ Hợp đồng tư vấn số 08/2024/HĐTV-TTTV ngày 13/12/2024 giữa
Cục Đăng kiểm Việt Nam và Trung tâm tư vấn Kinh tế xây dựng về việc thẩm tra
hồ sơ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật đối với lĩnh vực kiểm định xe cơ giới,
xe máy chuyên dùng.

Ngày 4/3/2025, Trung tâm tư vấn Kinh tế xây dựng nhận được hồ sơ báo cáo
kết quả xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định
lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo
vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo do Cục Đăng
kiểm Việt Nam lập. Sau khi nghiên cứu hồ sơ, Trung tâm tư vấn Kinh tế xây dựng
có ý kiến như sau:

I. Các cơ sở pháp lý và tài liệu sử dụng trong công tác thẩm tra:

- Luật số 36/2024/QH15 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;
- Luật số 16/2023/QH15 Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;
- Luật số 72/2020/QH14 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Nghị định số 166/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới;
- Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 07 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;
- Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;



- Thông tư số 29/2022/TT-BGTVT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, trình tự thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo, trình tự thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

- Các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

+ QCVN 09:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô;

+ QCVN 10:2024/BGTVT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô khách thành phố;

+ QCVN 11:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với rơ moóc và sơ mi rơ moóc;

+ QCVN 13:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng.

+ QCVN 14:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô, xe gắn máy.

+ QCVN 103:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

+ QCVN 118:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ;

+ QCVN 119:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ;

+ QCVN 122:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trong kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

- Các Tiêu chuẩn quốc gia có liên quan:

+ TCVN 6211:2003 Phương tiện giao thông đường bộ - Kiểu - Thuật ngữ và định nghĩa;

+ TCVN 7772:2007 Tiêu chuẩn quốc gia về Xe, máy và thiết bị thi công di động - phân loại;

- Báo cáo kết quả xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo do Cục Đăng kiểm Việt Nam lập;

- Thuyết minh tính toán, phân tích, đánh giá, xử lý số liệu định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo do Cục Đăng kiểm Việt Nam lập;

- Phiếu khảo sát xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo do Cục Đăng kiểm Việt Nam cung cấp;

- Một số văn bản pháp lý và tài liệu có liên quan khác.

II. Nguyên tắc thẩm tra

- Trung tâm tư vấn Kinh tế xây dựng thực hiện thẩm tra trên cơ sở báo cáo kết quả xây dựng định mức do Cục Đăng kiểm Việt Nam lập. Cục Đăng kiểm Việt Nam chịu trách nhiệm về tính chính xác và sự hợp lý của các hồ sơ, tài liệu cung cấp cho đơn vị Tư vấn thẩm tra.

- Đối với số liệu tính toán định mức theo số liệu trong Phiếu khảo sát thực tế tại hiện trường kèm theo hồ sơ lập định mức, đơn vị Tư vấn thẩm tra chỉ kiểm tra phương pháp tính toán, đối chiếu số liệu tính toán với số liệu trong Phiếu khảo sát hiện trường kèm theo hồ sơ lập định mức; không đánh giá độ chính xác của số liệu.

- Kiểm tra thành phần công việc phù hợp với quy trình thực hiện công việc, phiếu khảo sát tại hiện trường và các tài liệu kèm theo hồ sơ lập định mức.

- Kiểm tra việc áp dụng phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật theo hướng dẫn tại Thông tư số 29/2022/TT-BGTVT ngày 01/12/2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

III. Nhận xét về nội dung và chất lượng hồ sơ xây dựng định mức

III.1. Nội dung định mức:

Trung tâm tư vấn Kinh tế xây dựng nhận được hồ sơ báo cáo kết quả xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo do Cục Đăng kiểm Việt Nam lập gồm: 01 quyển báo cáo kết quả xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo (bao gồm Thuyết minh tính toán, phân tích, đánh giá, xử lý số liệu định mức kinh tế - kỹ thuật), 05 tập phiếu khảo sát định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối

với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo với các nội dung chính trong từng phần như sau:

1. Phần Báo cáo kết quả xây dựng định mức; Thuyết minh tính toán, phân tích, đánh giá, xử lý số liệu định mức gồm:

- Các căn cứ xây dựng định mức;
- Sự cần thiết phải xây dựng định mức;
- Phương pháp xây dựng định mức;
- Nội dung xây dựng định mức (gồm trình tự các bước lập định mức; xác định các hao phí của định mức; danh mục định mức và hướng dẫn áp dụng định mức);
- Kết quả xây dựng định mức;
- Ghi chú (gồm nội dung làm rõ việc sử dụng phiếu khảo sát và đề nghị áp dụng một số hao phí định mức có thời gian khảo sát gần bằng nhau);
- Thuyết minh tính toán, phân tích;
- Bảng trị số định mức và chi tiết tính toán.

2. Phần Phiếu khảo sát:

Tổng số lượng phiếu khảo sát là 417 phiếu, cụ thể:

- Đối với dịch vụ lập hồ sơ phương tiện miễn kiểm định lần đầu và cấp lại giấy chứng nhận kiểm định có số lượng 16 phiếu khảo sát, trong đó gồm:

+ 12 phiếu khảo sát cho 01 định mức lập hồ sơ phương tiện đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được miễn kiểm định lần đầu;

+ 4 phiếu khảo sát cho 01 định mức cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo.

- Đối với dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng có số lượng 391 phiếu khảo sát, trong đó gồm:

+ 7 phiếu khảo sát cho 01 định mức kiểm định xe ô tô tải, xe ô tô tải chuyên dùng, xe ô tô chuyên dùng, xe ô tô đầu kéo, xe ô tô kéo rơ moóc có từ 5 trục trở lên;

+ 47 phiếu khảo sát cho 01 định mức kiểm định xe ô tô tải, xe ô tô tải chuyên dùng, xe ô tô chuyên dùng, xe ô tô đầu kéo, xe ô tô kéo rơ moóc có 4 trục;

+ 80 phiếu khảo sát cho 01 định mức kiểm định xe ô tô tải, xe ô tô tải chuyên dùng, xe ô tô chuyên dùng, xe ô tô đầu kéo, xe ô tô kéo rơ moóc có 3 trục;

+ 67 phiếu khảo sát cho 01 định mức kiểm định xe ô tô tải, xe ô tô tải chuyên dùng, xe ô tô chuyên dùng có 2 trục và có khối lượng toàn bộ theo thiết kế từ 4000 kg trở lên; xe ô tô đầu kéo, xe ô tô kéo rơ moóc có 2 trục;

+ 39 phiếu khảo sát cho 01 định mức kiểm định xe ô tô tải, xe ô tô tải chuyên dùng, xe ô tô chuyên dùng có 2 trục và có khối lượng toàn bộ theo thiết kế dưới 4000 kg;

+ 25 phiếu khảo sát cho 01 định mức kiểm định rơ moóc và sơ mi rơ moóc có từ 3 trục trở lên;

+ 9 phiếu khảo sát cho 01 định mức kiểm định rơ moóc có 2 trục và sơ mi rơ moóc có đến 2 trục;

+ 19 phiếu khảo sát cho 01 định mức kiểm định xe ô tô chở người trên 40 chỗ; xe ô tô chở người chuyên dùng;

+ 24 phiếu khảo sát cho 01 định mức kiểm định xe ô tô chở người từ 25 chỗ đến 40 chỗ; xe ô tô chở người chuyên dùng cùng kiểu loại với xe chở người có số người cho phép chở lớn nhất từ 16 người trở xuống;

+ 21 phiếu khảo sát cho 01 định mức kiểm định xe ô tô chở người từ 10 chỗ đến 24 chỗ;

+ 29 phiếu khảo sát cho 01 định mức kiểm định xe ô tô chở người dưới 10 chỗ;

+ 6 phiếu khảo sát cho 01 định mức kiểm định xe chở người bốn bánh có gắn động cơ;

+ 6 phiếu khảo sát cho 01 định mức kiểm định xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ;

+ 3 phiếu khảo sát cho 01 định mức kiểm định xe quá khổ giới hạn, quá tải trọng kiểm định ngoài dây chuyên;

+ 9 phiếu khảo sát cho 01 định mức kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng.

- Đối với dịch vụ chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo có số lượng là 10 phiếu khảo sát, trong đó gồm:

+ 4 phiếu khảo sát cho 01 định mức chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo không phải lập hồ sơ thiết kế;

+ 5 phiếu khảo sát cho 01 định mức chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy) cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo;

+ 01 phiếu khảo sát cho 01 định mức chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô, xe gắn máy cải tạo.

Các phiếu khảo sát này đều chưa được Cục Đăng kiểm Việt Nam xác nhận (trừ 04 phiếu khảo sát giả định cho định mức cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo và 01 phiếu khảo sát giả định cho định mức chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô, xe gắn máy

cải tạo). Cục Đăng kiểm Việt Nam chịu trách nhiệm về tính chính xác và sự hợp lý của các phiếu khảo sát cung cấp cho Tư vấn thẩm tra.

III.2. Chất lượng hồ sơ xây dựng định mức:

1. *Phân Báo cáo kết quả xây dựng định mức; Thuyết minh tính toán, phân tích, đánh giá, xử lý số liệu định mức:*

a) Về danh mục định mức:

Danh mục định mức đề nghị thẩm tra gồm 20 mã hiệu định mức, cụ thể:

Mã hiệu định mức	Tên công việc
1. Định mức dùng chung	
LHSPT.01	Lập hồ sơ phương tiện đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được miễn kiểm định lần đầu
CLGCN.02	Cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo
2. Định mức kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng	
KĐCG.03	Kiểm định xe ô tô tải, xe ô tô tải chuyên dùng, xe ô tô chuyên dùng, xe ô tô đầu kéo, xe ô tô kéo rơ moóc có từ 5 trục trở lên
KĐCG.04	Kiểm định xe ô tô tải, xe ô tô tải chuyên dùng, xe ô tô chuyên dùng, xe ô tô đầu kéo, xe ô tô kéo rơ moóc có 4 trục
KĐCG.05	Kiểm định xe ô tô tải, xe ô tô tải chuyên dùng, xe ô tô chuyên dùng, xe ô tô đầu kéo, xe ô tô kéo rơ moóc có 3 trục
KĐCG.06	Kiểm định xe ô tô tải, xe ô tô tải chuyên dùng, xe ô tô chuyên dùng có 2 trục và có khối lượng toàn bộ theo thiết kế từ 4000 kg trở lên; xe ô tô đầu kéo, xe ô tô kéo rơ moóc có 2 trục
KĐCG.07	Kiểm định xe ô tô tải, xe ô tô tải chuyên dùng, xe ô tô chuyên dùng có 2 trục và có khối lượng toàn bộ theo thiết kế dưới 4000 kg
KĐCG.08	Kiểm định rơ moóc và sơ mi rơ moóc có từ 3 trục trở lên
KĐCG.09	Kiểm định rơ moóc có 2 trục và sơ mi rơ moóc có đến 2 trục
KĐCG.10	Kiểm định xe ô tô chở người trên 40 chỗ; xe ô tô chở người chuyên dùng (trừ xe ô tô chở người chuyên dùng quy định tại mã định mức KĐCG.11)
KĐCG.11	Kiểm định xe ô tô chở người từ 25 chỗ đến 40 chỗ; xe ô tô chở người chuyên dùng cùng kiểu loại với xe chở người có số người cho phép chở lớn nhất từ 16 người trở xuống
KĐCG.12	Kiểm định xe ô tô chở người từ 10 chỗ đến 24 chỗ

Mã hiệu định mức	Tên công việc
KĐCG.13	Kiểm định xe ô tô chở người dưới 10 chỗ
KĐCG.14	Kiểm định xe chở người bốn bánh có gắn động cơ
KĐCG.15	Kiểm định xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ
KĐCG.16	Kiểm định xe quá khổ giới hạn, quá tải trọng kiểm định ngoài dây chuyền
KĐXMCD.17	Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng
3. Định mức chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo	
CNXCT.18	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo không phải lập hồ sơ thiết kế
CNXCT.19	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy) cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo
CNXCT.20	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô, xe gắn máy cải tạo

b) Về phương pháp xây dựng định mức:

Tại mục 3 của Báo cáo xây dựng định mức, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã áp dụng phương pháp tổng hợp để xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 6 Thông tư số 29/2022/TT-BGTVT ngày 01/12/2022 của Bộ Giao thông vận tải.

c) Về thành phần nội dung, hao phí định mức:

- Nội dung của định mức đã được quy định đầy đủ các thành phần theo quy định (gồm: mã hiệu, tên, đơn vị tính, thành phần công việc, bảng định mức).

- Thành phần nội dung công việc được Cục Đăng kiểm Việt Nam xác định theo trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, trình tự thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo, trình tự thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy được hướng dẫn tại Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

- Đối với một số phiếu khảo sát của 12 định mức (từ mã hiệu KĐCG.03 - KĐCG.13 và KĐXMCD.17) được thực hiện trước thời điểm ban hành Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT và 08 định mức được thực hiện khảo sát lại sau thời điểm Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT có hiệu lực (gồm mã hiệu LHSPT.01; CLGCN.02 và từ KĐCG.14 - KĐCG.16; từ CNXCT.18 – CNXCT.20): đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam làm rõ việc sử dụng các phiếu khảo sát này để tính toán,

xác định định mức tại mục 6.1 Báo cáo kết quả xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

- Tại mục 4.2 của Báo cáo xây dựng định mức, Cục Đăng kiểm Việt Nam xác định hao phí của định mức kinh tế - kỹ thuật theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 29/2022/TT-BGTVT ngày 01/12/2022 của Bộ Giao thông vận tải. Hao phí định mức được tính toán, xác định đối với từng định mức theo số liệu tại các phiếu khảo sát phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 29/2022/TT-BGTVT ngày 01/12/2022 của Bộ Giao thông vận tải.

d) Về một số nội dung cần lưu ý trong phần thuyết minh này:

Điều chỉnh lại cho đúng đơn vị tính đối với hao phí phương tiện máy móc, thiết bị được nêu tại mục 6.2 phần I Báo cáo kết quả xây dựng định mức.

2. Phần Phiếu khảo sát:

a) Về sự đầy đủ của thông tin trên phiếu:

Đối với thời điểm thực hiện khảo sát: một số phiếu khảo sát chưa có thời gian thực hiện, cụ thể:

+ 12 phiếu khảo sát cho 01 định mức lập hồ sơ phương tiện đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được miễn kiểm định lần đầu;

+ 4 phiếu khảo sát cho 01 định mức cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo;

+ 4 phiếu khảo sát cho 01 định mức chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo không phải lập hồ sơ thiết kế;

+ 5 phiếu khảo sát cho 01 định mức chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy) cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo;

+ 01 phiếu khảo sát cho 01 định mức chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô, xe gắn máy cải tạo.

Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam bổ sung thời điểm thực hiện khảo sát tại các phiếu.

b) Về thành phần ký phiếu khảo sát:

Theo hướng dẫn tại mục III.4 của Phụ lục kèm theo Thông tư số 29/2022/TT-BGTVT ngày 01/12/2022 của Bộ Giao thông vận tải, Phiếu khảo sát phải có xác nhận của cơ quan chủ trì xây dựng định mức, đơn vị thực hiện dịch vụ sự nghiệp công, đơn vị xây dựng định mức. Hiện nay, các phiếu khảo sát do Cục Đăng kiểm Việt Nam cung cấp cho đơn vị thẩm tra chưa đầy đủ thành phần ký như quy định nêu trên.

Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam bổ sung thành phần ký phiếu khảo sát cho phù hợp với quy định mục III.4 của Phụ lục kèm theo Thông tư số 29/2022/TT-BGTVT ngày 01/12/2022 của Bộ Giao thông vận tải.

c) Về một số nội dung cần lưu ý trong phần phiếu khảo sát:

Đối với trường hợp phiếu khảo sát giả định - không có đối tượng để thực hiện khảo sát (gồm 04 phiếu khảo sát giả định cho định mức cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo (mã hiệu CLGCN.02) và 01 phiếu khảo sát giả định cho định mức chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô, xe gắn máy cải tạo (mã hiệu CNXCT.20)), đơn vị Tư vấn thẩm tra đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp tục thực hiện khảo sát để chuẩn xác hao phí định mức đối với 02 công việc nêu trên.

V. Kết luận và kiến nghị

- Cục Đăng kiểm Việt Nam chịu trách nhiệm về tính chính xác và sự hợp lý của các hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Tư vấn thẩm tra;

- Cục Đăng kiểm Việt Nam nghiên cứu, hoàn thiện một số lưu ý như ý kiến của Tư vấn thẩm tra tại các mục III.2.1.d và mục III.2.2 của báo cáo thẩm tra này; Hồ sơ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật sau khi được hoàn thiện các nội dung nêu trên, đủ điều kiện để Cục Đăng kiểm Việt Nam triển khai các bước tiếp theo theo quy định;

Trên đây là kết quả thẩm tra định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo của Trung tâm tư vấn Kinh tế xây dựng. Kính đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam nghiên cứu, triển khai các bước tiếp theo đảm bảo đúng quy định hiện hành./.

NGƯỜI THẨM TRA

NGƯỜI KIỂM TRA

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Chu Thùy Linh

Chứng chỉ định giá XD hạng 1,
số: BXD-00004520



Nguyễn Mai Anh

Chứng chỉ định giá XD hạng 1,
số: BXD-00035926




Lê Mạnh Hùng

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, ĐTXD&DVĐT.